

Số: 119/2020/QĐST-DS

Cầu Kè, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2019,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Bà Trịnh Thị B; địa chỉ: Ấp Bà Bảy, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè ủy quyền cho ông Lê Nhựt H, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C1, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019).

- *Bị đơn:* 1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1967.

2. Ông Trương Văn B1, sinh năm 1947.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Ông Trương Văn B1 ủy quyền cho ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1938.

2/ Ông Trương Văn G, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Phú Thọ, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Huỳnh Thị E1 sinh năm 1950.

5/ Ông Trương Đức N1, sinh năm 1976.

6/ Bà Trương Thị Tuyết C, sinh năm 1979.

7/ Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

8/ Ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1986.

9/ Bà Trương Thị Ngọc G, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Bà Huỳnh Thị N1, anh Trương Đức N1 và chị Trương Thị Ngọc G đồng ủy quyền cho ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

(Bà Trương Thị Tuyết C ủy quyền cho ông Trương Vĩnh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2019).

(Bà Huỳnh Thị E1 và ông Trương Văn G và bà Huỳnh Thị N đồng ủy quyền cho ông Trương Văn L, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trịnh Thị B và ông Trương Văn L thống nhất tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng diện tích $28,2m^2$ (có ký hiệu là C) trong tổng diện tích $50m^2$ (có $21,8m^2$ mất do mở rộng Tỉnh lộ 915) đất thuộc thửa 1940, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo đơn xin chuyển nhượng lập ngày 26/3/2009. Có kích thước tứ cận như sau:

Hướng Đông Bắc giáp thửa 2162 có chiều dài 5m.

Hướng Đông Nam giáp lộ có chiều dài 5,12m.

Hướng Tây Nam giáp phần còn lại của thửa 2162 có chiều dài 5,30m.

Hướng Tây Bắc giáp thửa 172 có chiều dài 6,04m.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Bà Trịnh Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ về tài chính để làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích và tứ cận theo quyết định của quyết định này.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B rút lại yêu cầu khởi kiện đối với diện tích $65m^2$ thuộc một phần thửa 317, tờ bản đồ số 11, tổng diện tích $3030,3m^2$, tọa lạc tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Trương Văn B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Trương Văn L và ông Trương Văn B1 đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B. Bà Trịnh Thị B được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trương Văn B1 rút lại yêu cầu buộc bà Trịnh Thị B trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích 87m², thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 11 có tổng diện tích 3030,3m², tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông Trương Văn L và bà Trịnh Thị B đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B1. Ông Trương Văn B1 được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Bà Trịnh Thị B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 696.000 đồng. Số tiền án phí bà B nộp được trừ vào số tiền tạm ứng 1.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001581 ngày 25/3/2019; hoàn trả cho bà B số tiền chênh lệch bằng 354.000 đồng.

- Về chi phí thẩm định và định giá: Bà Trịnh Thị B tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 2.751.972 đồng. Bà B đã nộp tạm ứng trước 4.000.000 đồng. Tòa án đã hoàn trả xong số tiền còn dư cho bà B là 1.248.028 đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Mỹ Ai